

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5610/BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2017

V/v Khung hướng dẫn xây dựng kế
hoạch phát triển KTXH năm 2018

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Hợp tác xã;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và địa phương) Khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ
ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017**

Tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XIV đã thông qua các Nghị quyết: số 23/2016/QH14 ngày 07 tháng 11 năm 2016 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020; số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 về Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; số 27/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và số 29/2016/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2016 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2017.

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban

hành các Quyết định¹ giao kế hoạch năm 2017 gồm giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước; kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước; kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 về các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 với 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp hướng tới mục tiêu bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo chuyển biến trong thực hiện ba đột phá chiến lược; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện dân chủ và tiến bộ, công bằng xã hội. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Dưới đây là đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, dự báo khả năng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và một số giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong những tháng cuối năm:

I. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

1. Về tăng trưởng kinh tế

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều thuận lợi, kinh tế trong nước Quý II và 6 tháng đã có những cải thiện rõ nét, nhiều tín hiệu tích cực hơn so với Quý I; kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước đã có sự bứt phá; động lực tăng trưởng của nền kinh tế khả quan; triển vọng tăng trưởng dự báo cao hơn trong các quý còn lại năm 2017. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) Quý II năm 2017 ước tăng 6,17% so với cùng kỳ

¹ Các Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016 về việc giao dự toán NSNN năm 2017; số 2452/QĐ-TTg ngày 15/12/2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2017; số 2562/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2017; số 173/QĐ-TTg ngày 09/02/2017 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN năm 2017; số 46/QĐ-TTg ngày 12/01/2017 về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước năm 2017; số 116/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 về giao chỉ tiêu kế hoạch dự trữ quốc gia năm 2017.

năm 2016, trong đó: (i) Khu vực I tăng 2,92%; (ii) Khu vực II tăng 6,89%; (iii) Khu vực III tăng mạnh, ước đạt 7,28%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2017, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 5,73% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: (i) Khu vực I tăng 2,65%; (ii) Khu vực II tăng 5,81%, trong đó, riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,52%; (iii) Khu vực III tăng 6,85%.

2. Về ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

a) Lạm phát tiếp tục được kiểm soát, giá cả có xu hướng ổn định.

Từ đầu năm đến nay, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng tháng so với tháng trước có xu hướng giảm dần. CPI tháng 6 ước giảm 0,17% so với tháng trước; tăng 0,2% so với tháng 12/2016 và tăng 2,54% so với cùng kỳ năm 2016. CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,15% so với bình quân cùng kỳ năm 2016, tiệm cận với mục tiêu năm 2017 Quốc hội đã thông qua là khoảng 4%. Lạm phát cơ bản tháng 6 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2017 tăng 1,52% so với bình quân cùng kỳ năm 2016.

b) Thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng, thị trường chứng khoán diễn biến phù hợp với định hướng duy trì ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Thị trường ngoại hối tương đối ổn định, thanh khoản được đảm bảo, dự trữ ngoại hối tăng. Tín dụng cho nền kinh tế tăng trưởng khá, tính chung 6 tháng ước đạt 7,54% so với cuối năm 2016, là mức tăng cao so với các năm gần đây, thể hiện xu hướng phát triển tích cực và khả năng hấp thụ vốn tương đối tốt của nền kinh tế. Mặt bằng lãi suất ổn định. Thị trường chứng khoán được hỗ trợ mạnh, tiếp tục đà tăng trưởng tốt, chỉ số VN Index tiếp tục đạt đỉnh cao mới, vượt ngưỡng 760 điểm.

c) Thu, chi ngân sách nhà nước

Thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2017 nhìn chung đáp ứng được tiến độ dự toán đề ra. Tính đến hết tháng 6 năm 2017, tổng số thu cân đối ngân sách nhà nước ước thực hiện đạt khoảng 563,5 nghìn tỷ đồng, bằng 46,5% dự toán năm, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2016. Tổng chi cân đối NSNN ước đạt 582,965 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 41,9% dự toán năm, tăng 8,3% so với cùng kỳ.

d) Về đầu tư phát triển

Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện 6 tháng đạt khoảng 674,8 nghìn tỷ đồng, bằng 32,8% GDP, tăng 10,5%, cao hơn so với cùng kỳ

các năm từ 2013 đến 2016, trong đó khu vực ngoài nhà nước đạt 260,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 38,7% và tăng 14,9%. Tuy nhiên, tình hình giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước vẫn chậm, tốc độ giải ngân thấp so với yêu cầu. Ước giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN đến hết tháng 6 đạt khoảng 29,6% kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao, tương đương với 25,6% dự toán được Quốc hội thông qua, thấp hơn so với cùng kỳ (32,2%).

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) 6 tháng đầu năm 2017 tăng mạnh, tạo tín hiệu tích cực, hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và quốc tế cũng như hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng cuối năm và các năm tiếp theo. Tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần 6 tháng đạt 19,2 tỷ USD, tăng 54,8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, ước giải ngân vốn FDI 6 tháng đạt 7,72 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2016.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh một số ngành, lĩnh vực.

a) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2017 diễn biến thuận lợi; tiếp tục duy trì đà phục hồi và đã có mức tăng trưởng tích cực. Riêng ngành thủy sản đạt mức tăng trưởng khá, cả về sản lượng nuôi trồng thủy sản và sản lượng khai thác thủy sản, đặc biệt, các tỉnh chịu ảnh hưởng từ sự cố môi trường biển miền Trung đã phục hồi sản xuất, khai thác thủy sản biển đã có tín hiệu tăng trở lại.

b) Sản xuất công nghiệp tiếp tục có chuyển biến tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành công nghiệp Quý II/2017 tăng 7,8% nâng mức tăng chung 6 tháng đầu năm lên khoảng 6,2%, cao hơn mức tăng 4,3% của Quý I. Riêng ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo 6 tháng đã có mức tăng đáng kể, tăng 10,5%, cao hơn mức tăng cùng kỳ của các năm từ 2013 đến nay, đóng góp 7,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung. c) Khu vực dịch vụ là khu vực năng động nhất, đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2012 trở lại đây. Trong đó, tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng tăng 10,1% so với cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố giá còn tăng 8,4%, cao hơn cùng kỳ (8,1%). Hoạt động du lịch diễn ra sôi động, thu hút một lượng lớn khách du lịch trong nước đến thăm quan. Tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam 6 tháng ước đạt 6,2 triệu lượt khách, tăng 30,2%.

d) Xuất nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng khả quan

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm ước đạt 97,78 tỷ USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá, tăng 12,9%, cao hơn so với cùng kỳ năm 2016 là 10,1% và cao hơn so với mục tiêu

cả năm là 6-7%). Tổng kim ngạch nhập khẩu 6 tháng ước đạt 100,47 tỷ USD, tăng 24,1% so với cùng kỳ năm 2016 (nếu loại trừ yếu tố giá, tăng 17,3%). Trong đó: khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu tăng 28,3% và chiếm 60,3% tổng kim ngạch nhập khẩu. Nhập khẩu tăng chủ yếu ở nhóm hàng cần nhập khẩu (chiếm tỷ trọng 89,4% và tăng 25,6%), tập trung vào các nhóm mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu chủ yếu để phục vụ sản xuất và xuất khẩu.

Nhập siêu 6 tháng khoảng 2,7 tỷ USD, chiếm 2,76% kim ngạch xuất khẩu, phù hợp mục tiêu được Quốc hội thông qua (dưới 3,5%). Diễn biến xuất nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm nhìn chung lành mạnh, phù hợp với tình hình thị trường và chu kỳ xuất, nhập khẩu.

4. Môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển doanh nghiệp tiếp tục được cải thiện. Tình hình đăng ký doanh nghiệp tiếp tục khởi sắc và đạt kết quả ấn tượng.

Trong 6 tháng đầu năm, cả nước có thêm gần 61,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký đạt khoảng 596 nghìn tỷ đồng, tăng 12,4% về số doanh nghiệp và tăng 39,4% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016. Nếu tính cả các doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm đạt trên 1,45 triệu tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có trên 15,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 3,2% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp gia nhập thị trường trong 6 tháng lên trên 76,6 nghìn doanh nghiệp.

Về sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, trong 6 tháng đã cổ phần hóa được 20 doanh nghiệp (và 02 đơn vị sự nghiệp); công bố giá trị doanh nghiệp và đang xây dựng phương án cổ phần hóa 41 doanh nghiệp (đang tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp cho 64 doanh nghiệp); thực hiện bán phần vốn nhà nước không cần nắm giữ tại 22 doanh nghiệp.

5. Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

a) Về thực hiện 3 trọng tâm cơ cấu lại gồm cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng trong 6 tháng đầu năm chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ.

Cơ cấu đầu tư toàn toàn xã hội trong 6 tháng đầu năm 2017 bước đầu được cải thiện so với cùng kỳ năm 2016, có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng đầu tư của khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư trực

tiếp nước ngoài. Đầu tư của khu vực tư nhân 6 tháng đầu năm 2017 tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2016, là mức tăng mạnh nhất trong 3 năm trở lại đây (năm 2016 tăng 12,9% và năm 2015 tăng 10,5%). Tiến độ thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp còn chậm chạp. Về cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, tỷ lệ nợ xấu tiếp tục giảm, tuy nhiên tình hình mua bán và xử lý nợ xấu chưa có nhiều chuyển biến.

b) Về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, khu vực công

Cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong những tháng đầu năm 2017 đã đạt một số kết quả tích cực. Chi ngân sách nhà nước tính đến hết tháng 06/2017 đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ đầu tư phát triển; chi trả nợ; đảm bảo quốc phòng an ninh và hoạt động của bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, việc cơ cấu lại khu vực công, đặc biệt là giá các dịch vụ công, phí và lệ phí còn nhiều bất cập. Thể chế về phân loại giá dịch vụ công vẫn chưa được quy định rõ trong các văn bản pháp luật, do vậy dẫn đến tình trạng khó khăn trong thực hiện thu ngân sách nhà nước trong khoản này.

c) Về phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong nước tiếp tục được cải thiện. Những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh bước đầu đã tạo động lực cho quá trình cơ cấu lại và phục hồi sản xuất của khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài; tuy nhiên, nhiều mục tiêu quan trọng trong cơ cấu lại lĩnh vực này chưa có chuyển biến tích cực. Hiệu quả đóng góp của FDI cho nâng cao chất lượng tăng trưởng và tạo liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước chưa có nhiều cải thiện.

d) Về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Việc cơ cấu lại các ngành kinh tế chưa tạo ra thay đổi mạnh mẽ trong tăng trưởng của ngành. Chưa ban hành đề án tái cơ cấu thực chất ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh quốc tế. Tăng trưởng vẫn dựa nhiều vào mở rộng quy mô những ngành sử dụng nhiều lao động, hàm lượng công nghệ thấp, các ngành công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ chưa có sự phát triển đáng kể trong thời gian qua. Tỷ trọng giá trị nội địa của sản phẩm thấp và tiếp tục phụ thuộc vào nhập khẩu đầu vào. Trong 6 tháng đầu năm, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 92,2 tỷ USD, tăng 24,6% và chiếm 91,7% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu.

d) Về hoàn thiện các thị trường yếu tố sản xuất

Trong 6 tháng đầu năm 2017, cơ cấu lại các thị trường yếu tố sản xuất (thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường đất đai) chuyển biến chậm. Thị trường lao động còn tồn tại các rào cản về dịch chuyển lao động, tình trạng bất đối xứng thông tin, giao dịch phi chính thức,... từ đó dẫn đến hiệu quả hoạt động của thị trường chậm được cải thiện. Quy mô của thị trường khoa học và công nghệ nhỏ, giá trị giao dịch thấp. Điều đáng lưu ý là thị trường mua bán quyền sử dụng đất, đặc biệt là thị trường sơ cấp về đất đai, vẫn cơ bản thiếu vắng và hoạt động dựa trên cơ chế hành chính.

6. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020

a) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, toàn bộ hệ thống chính trị đã có nhiều nỗ lực trong chỉ đạo, điều hành nhằm mục tiêu xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển và đã đạt được những kết quả khả quan². Về cơ bản, Chính phủ đã chấm dứt tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh. Quốc hội cũng đã thông qua 6 nghị quyết và 12 bộ luật, luật được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 3, Khóa XIV; tại Hội nghị TƯ 5 (Khóa XII), Ban chấp hành TƯ Đảng đã ban hành 3 Nghị quyết³ quan trọng có tính đột phá mạnh mẽ về nhận thức và cách thức hành động của bộ máy nhà nước, nhất là Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các bộ, ngành đã chú trọng việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tại các địa phương, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính được rút ngắn đáng kể so với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được công bố cho thấy những nỗ lực cải cách hành chính trong năm 2016 đã tạo chuyển biến tích cực.

b) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng

² Trong 6 tháng đầu năm 2017, Chính phủ đã ban hành 73 nghị định và 54 nghị quyết để điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội, góp phần từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

³ Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

Thực hiện Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 và quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tính đến tháng 6 năm 2017 đã có 10/14 nhiệm vụ liên quan đến xây dựng, bổ sung và phát triển hệ thống khung pháp lý chung và chính sách phát triển nhân lực và 11/16 nhiệm vụ liên quan đến dự báo nhân lực, xây dựng và thực hiện quy hoạch, chương trình và đề án phát triển nhân lực đã được các bộ, ngành hoàn thành.

c) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ

Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế về phát triển kết cấu hạ tầng tiếp tục được đẩy mạnh. Nhiều đề án quy hoạch và xây dựng cơ chế chính sách cụ thể được rà soát điều chỉnh theo lộ trình đề ra với mục tiêu nâng cao tính khả thi, đồng bộ và hiện đại. Nhiều công trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng (nhất là trong lĩnh vực giao thông, cấp điện...) đang được triển khai thực hiện theo hướng tập trung đầu tư, đẩy nhanh tiến độ và được rà soát điều chỉnh sớm đi vào khai thác, vận hành nâng cao hiệu quả đầu tư như: dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường sắt tốc độ cao Bắc-Nam, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất...

7. Về các lĩnh vực xã hội

Các lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, lao động việc làm, an sinh xã hội, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thông tin truyền thông được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra, đảm bảo phát triển đồng bộ với các mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2017.

a) Trong 6 tháng đầu năm, ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo như hoàn thiện quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; triển khai công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông; nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đại học; tập trung phát triển nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

b) Trong lĩnh vực khoa học công nghệ, nhiều văn bản quan trọng thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được Chính phủ ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện phát triển hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, đổi mới công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh; triển khai cơ cấu lại ngành khoa học và công nghệ gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

c) Tình hình lao động, việc làm 6 tháng đầu năm không có nhiều biến động. Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu lao động tiếp tục có sự chuyển dịch từ các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản sang các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi 6 tháng ước khoảng 2,28%, trong đó khu vực thành thị là 3,22%; khu vực nông thôn là 1,81%; số người được giải quyết việc làm ước khoảng 790 nghìn người, tăng 3,7% so với cùng kỳ.

d) Công tác an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân được đảm bảo, mạng lưới y tế được củng cố, hoàn thiện cùng với việc áp dụng và phổ biến một số phương pháp điều trị y tế tiên tiến, hiện đại và đổi mới trong công tác quản lý tài chính y tế đã góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Công tác y tế dự phòng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm được tăng cường. Công tác quản lý giá thuốc được chú trọng...

đ) Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao diễn ra sôi động, hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được triển khai tích cực; hoạt động văn hoá nghệ thuật phục vụ các sự kiện chính trị, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước được tổ chức rộng khắp với nội dung phong phú, có chất lượng; công tác quản lý nhà nước về hoạt động lễ hội được chú trọng và tiếp tục có chuyển biến tích cực.

Hoạt động thể dục, thể thao được duy trì và phát triển, đặc biệt là thể thao thành tích cao, nhiều vận động viên đạt kết quả cao trong thi đấu, giành được thành tích đáng khích lệ.

8. Về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

Công tác bảo vệ môi trường luôn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Theo dõi tiến độ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực môi trường và xử lý nghiêm các doanh nghiệp, cơ sở vi

phạm; nâng cao khả năng dự báo khí tượng thủy văn để phục vụ công tác phòng chống.

Hoàn thiện phân loại chỉ tiêu cho biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh theo quy định tại Quyết định số 1504/QĐ-TTg ngày 31/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khung chính sách năm 2016 cho chương trình SP-RCC. Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017. Hiện nay, các bộ, ngành và địa phương⁴ tiếp tục triển khai xây dựng kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh, trong đó bước đầu tập trung đánh giá hiện trạng, xác định những ngành chính, tiềm năng, những lựa chọn ưu tiên.

Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá và cơ chế giám sát, đánh giá và hoàn thiện cơ chế theo dõi, giám sát, báo cáo thực hiện tăng trưởng xanh ở Việt Nam có gắn kết với thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững trong mối tương quan chặt chẽ với các mục tiêu phát triển bền vững nhằm thực hiện chương trình nghị sự 2030.

Cải thiện tiếp cận tài chính cho tăng trưởng xanh và thí điểm các dự án xanh trong khu vực tư nhân; xây dựng và hoàn thiện hướng dẫn đầu tư cho tăng trưởng xanh (IGGG).

9. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh được chú trọng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Tập trung triển khai kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch bảo vệ các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Chủ động xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả các phương án, kế hoạch bảo đảm an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm; tập trung đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của nhiều hội, nhóm bất hợp pháp; tăng cường đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ.

Các hoạt động đối ngoại được triển khai toàn diện, chủ động, tích cực, đặc biệt là với các đối tác chiến lược, đối tác quan trọng, đối tác tiềm năng nhằm làm sâu sắc hơn nữa hợp tác kinh tế, tranh thủ tối đa cơ hội, tăng cường

⁴ Đến nay, đã có các Bộ Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng đã và đang hoàn thiện kế hoạch hành động trong lĩnh vực phụ trách. Về phía địa phương, hơn 15 địa phương đã phê duyệt kế hoạch hành động và 20 địa phương đã và đang hoàn thiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh.

đa phương hoá, đa dạng hoá thị trường và đan xen lợi ích phục vụ an ninh và phát triển của đất nước.

10. Về thông tin truyền thông

Công tác thông tin, truyền thông báo chí tiếp tục được đẩy mạnh, bảo đảm thông tin nhanh, kịp thời về các sự kiện trong nước và quốc tế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về báo chí, thông tin điện tử; tăng cường kiểm tra, rà soát, xử lý mã độc, sự cố, đảm bảo an toàn an ninh mạng.

Đánh giá chung:

Trong 6 tháng đầu năm 2017, tình hình kinh tế thế giới diễn biến tích cực với đà tăng trưởng khả quan từ nền kinh tế Mỹ và các nước phát triển. Hoạt động thương mại và đầu tư toàn cầu phục hồi, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế trong nước. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch có chiều hướng gia tăng; nhiều hiệp định thương mại đã được ký kết chuẩn bị có hiệu lực, theo đó nhiều loại hàng rào thuế quan sẽ phải xóa bỏ.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và địa phương triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, tập trung phần đầu thực hiện các mục tiêu kế hoạch đã đề ra. Với thông điệp đồng hành với doanh nghiệp, hoạt động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, các ngành, các địa phương đã tập trung vào lắng nghe, đối thoại với doanh nghiệp, thực hiện các cam kết mạnh mẽ về những chính sách tháo gỡ khó khăn, giảm chi phí cho doanh nghiệp, kiên quyết xử lý nợ xấu, cải thiện môi trường kinh doanh,... qua đó thu hẹp dần khoảng cách giữa chính quyền và doanh nghiệp, củng cố niềm tin của nhân dân.

Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm, tăng trưởng kinh tế trong nước đã có nhiều khởi sắc, lạm phát duy trì ở mức hợp lý, các cân đối lớn vẫn đảm bảo; quá trình cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp và thủy sản diễn ra mạnh mẽ và bước đầu hiệu quả; tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm giảm so với cùng kỳ năm trước; an sinh xã hội được quan tâm thực hiện và đạt kết quả nhất định. Mục tiêu tăng trưởng cả năm 2017 vẫn là một thách thức và gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi các bộ, ngành, địa phương không sớm thỏa mãn với những gì đạt được bước đầu, cần duy trì thường xuyên, liên tục những nỗ lực, cố gắng trong 6 tháng cuối năm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2017

1. Dự báo tình hình kinh tế thế giới

Các tổ chức kinh tế thế giới cùng chung quan điểm tương đối lạc quan về triển vọng kinh tế thế giới năm 2017, trong đó, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng 3,5% so với năm 2016, cao hơn mức đã dự báo hồi tháng 3 năm 2017 là 3,3%. Tăng trưởng thương mại toàn cầu khởi sắc hơn với tốc độ tăng được dự báo khoảng 4% trong năm 2017 do triển vọng tăng trưởng lạc quan của kinh tế thế giới và giá một số hàng hóa cơ bản, nguyên vật liệu phục hồi.

Kinh tế thế giới mặc dù tăng trưởng tích cực hơn nhưng cơ bản vẫn đang trong giai đoạn tăng trưởng chậm, chưa thực sự vững chắc; rủi ro tài chính toàn cầu chưa được xử lý; tình hình căng thẳng địa - chính trị, sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ có thể làm gián đoạn tiến trình phục hồi thương mại toàn cầu, làm thay đổi cơ cấu dòng vốn đầu tư quốc tế, qua đó ảnh hưởng trực tiếp tới các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nhiều tổ chức quốc tế cơ bản đánh giá lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam, trong tháng 6, Việt Nam được xếp hạng 47/127 quốc gia/nền kinh tế về đổi mới sáng tạo toàn cầu, tăng 12 bậc.

2. Tình hình kinh tế - xã hội trong nước thời gian tới

Tình hình kinh tế - xã hội trong nước 6 tháng cuối năm có triển vọng tăng trưởng tích cực. Tăng trưởng tiêu dùng cũng được dự báo tương đối lạc quan cho những tháng cuối năm do tác động của chính sách khuyến khích đầu tư và sản xuất; chu kỳ đẩy mạnh tiêu dùng vào cuối năm; sức mua dự kiến được cải thiện nhờ việc tăng lương cơ bản...

Dòng vốn FDI được dự báo sẽ đạt nhiều kết quả tích cực nhờ các yếu tố thuận lợi của nền kinh tế như: môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện; nhiều hiệp định thương mại quan trọng đã được ký kết chuẩn bị có hiệu lực; sự đánh giá tích cực của các tổ chức và nhà đầu tư nước ngoài về triển vọng đầu tư tại Việt Nam.

Khu vực công nghiệp và xây dựng mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và thách thức, nhưng dự báo sẽ đạt mức tăng khá; khu vực dịch vụ được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh hơn so với cùng kỳ khi tiêu dùng có xu hướng cải thiện tốt hơn và triển vọng phát triển tốt hơn của ngành du lịch. Khu vực nông, lâm, thủy sản sẽ tiếp tục phục hồi khi các biện pháp giải quyết thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông, lâm thủy sản có hiệu quả.

Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế quốc tế diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam dự kiến có thể gặp nhiều khó khăn do tác động từ các yếu tố bên

ngoài như: bất ổn địa chính trị thế giới, xu hướng gia tăng bảo hộ mậu dịch có thể tác động tiêu cực tới hoạt động thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam... Bên cạnh đó, các nguyên nhân nội tại của nền kinh tế cũng cần phải được đánh giá đầy đủ và có giải pháp bền vững để khắc phục như:

- Chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, áp lực cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu lớn trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có mức tăng trưởng khá, tuy nhiên còn nhiều khó khăn khâu tiêu thụ sản phẩm và mùa mưa bão sắp đến ảnh hưởng nhiều đến sản xuất kinh doanh của các ngành này.

- Ngành công nghiệp còn nhiều khó khăn, trong đó: ngành khai khoáng tiếp tục giảm sâu; giá dầu thô giảm; tồn kho than lớn.

- Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, tình hình đăng ký doanh nghiệp tiếp tục tăng cao nhưng điều đáng chú ý tỷ lệ doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trên tổng số doanh nghiệp gia nhập thị trường còn lớn.

3. Dự kiến kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2017

Trên cơ sở kết quả thực hiện của Quý II và 6 tháng đầu năm 2017, thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ của các tháng cuối năm vẫn hết sức nặng nề và khó khăn, đòi hỏi các cấp, các ngành cần duy trì những nỗ lực và cố gắng nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra. Cụ thể, mục tiêu tăng trưởng GDP của Quý III cần phải đạt là khoảng 7,23%, tính chung 9 tháng là khoảng 6,29%. Trong đó: Khu vực I Quý III tăng khoảng 2,98%, 9 tháng tăng 2,77%; Khu vực II Quý III tăng khoảng 8,83%, 9 tháng tăng khoảng 6,93%; Khu vực III Quý III tăng khoảng 7,67%, 9 tháng tăng khoảng 7,17%.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2017

Trong 6 tháng cuối năm, các bộ, cơ quan, địa phương cần bắt tay ngay vào việc triển khai các công việc cần thiết thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung Đảng lần thứ 5, khóa XII; thực hiện các Luật, Nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV; đề cao trách nhiệm, tiếp tục bám sát tình hình, chủ động, quyết liệt hành động; tiếp tục tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 19-2017/NQ-CP, số 35/NQ-CP và các Nghị quyết chuyên đề khác, tạo chuyển biến rõ nét trong các tháng còn lại của năm 2017. Đồng thời chủ động cụ thể hóa những chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ

tại Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2017 thành những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể nhằm thúc đẩy tăng trưởng của từng ngành, từng sản phẩm; triển khai quyết liệt các giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và các giải pháp bền vững, dài hạn gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung vào một số nhóm giải pháp sau:

1. Nhóm giải pháp duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, trong đó tập trung:

- Theo dõi sát tình hình kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và trong nước, kịp thời đề xuất giải pháp điều hành, ứng phó với diễn biến mới của tình hình thế giới và trong nước

- Điều hành chính sách tài chính tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt góp phần ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát; nghiên cứu các kịch bản điều chỉnh hợp lý lãi suất tiền gửi USD nhằm mục tiêu hạn chế nguy cơ dòng tiền ngoại tệ chảy ra khỏi nền kinh tế; phấn đấu giảm mặt bằng lãi suất; nâng cao chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người dân tiếp cận nguồn vốn cho phát triển sản xuất, kinh doanh;

- Tập trung xử lý nợ xấu gắn với cơ cấu lại các ngân hàng thương mại yếu kém; xây dựng các văn bản hướng dẫn và kế hoạch cụ thể triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; cải cách thể chế gắn với cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; thực hiện hiệu quả các đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng, ngân hàng, khu vực doanh nghiệp nhà nước; cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nâng cao năng suất lao động.

2. Nhóm giải pháp thúc đẩy tăng trưởng trong các ngành, lĩnh vực

Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng ngành, lĩnh vực, tận dụng bối cảnh kinh tế quốc tế, triển khai nhanh các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các ngành, lĩnh vực:

- Trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: (i) chú trọng công tác thông tin cho người dân về tình hình cung cầu, giá cả thị trường để người dân, doanh nghiệp chủ động cân đối kế hoạch hợp lý; đồng thời chủ động mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh tập trung phụ thuộc quá lớn vào một thị trường; (ii) tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt là việc sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi; đẩy mạnh tuyên truyền để người dân an tâm sử dụng thực

phẩm sạch; tạo thị trường đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi; (iii) thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phục vụ xuất khẩu.

- Trong sản xuất công nghiệp: (i) theo dõi sát diễn biến tình hình giá dầu, triển khai phương án khai thác sản lượng dầu thô an toàn, đảm bảo hiệu quả kinh tế; (ii) xây dựng phương án xử lý dứt điểm đối với sản lượng than và một số loại khoáng sản tồn kho; (iii) khuyến khích các doanh nghiệp chủ động lựa chọn phương án phù hợp trong đổi mới công nghệ sản xuất, chủ động nâng cao năng lực quản trị, chủ động tiếp cận và mở rộng thị trường, nhất là trong công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất linh kiện điện tử, điện thoại di động.

- Kiểm soát thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, ổn định. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản gắn với thực hiện chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội. Khắc phục lệch pha cung cầu; phát triển đa dạng hàng hóa bất động sản; đẩy mạnh phân khúc nhà ở xã hội cho thuê.

- Trong khu vực dịch vụ: (i) đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, phấn đấu đạt mục tiêu 13-15 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2017; xây dựng kế hoạch tiếp tục áp dụng chính sách miễn thị thực nhập cảnh đối với các quốc gia có lượng khách du lịch lớn đến Việt Nam, tiếp tục triển khai cấp thị thực nhập cảnh điện tử; (ii) nghiên cứu giải pháp ứng phó đối với phương thức du lịch khép kín, khách du lịch không chi tiêu tại Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng môi trường du lịch, tăng doanh thu từ du lịch; (iii) làm tốt công tác chuẩn bị các hoạt động văn hóa đối ngoại phục vụ Hội nghị APEC 2017; (iv) nâng cao chất lượng và giảm chi phí các loại hình vận tải, khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và logistics.

3. Nhóm giải pháp mở rộng thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước, kiểm soát nhập khẩu phù hợp tiến tới cân bằng thương mại bền vững

- Rà soát các biện pháp hàng rào kỹ thuật áp dụng để kiểm soát nhập khẩu một số mặt hàng tiêu dùng không khuyến khích nhập khẩu và các mặt hàng trong nước đã sản xuất được; xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật hàng hóa phù hợp với các cam kết quốc tế để kiểm soát nhập khẩu hàng hóa kém chất lượng, công nghệ lạc hậu ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe người dân.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình nhập khẩu một số mặt hàng từ khu vực ASEAN, hiện đang có chiều hướng tăng lên như: ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ từ Thái Lan, Ấn Độ; mặt hàng rau quả từ Thái Lan, Trung Quốc... để có

giải pháp kiểm soát kịp thời, bảo vệ sản xuất trong nước, giảm mất cân đối thương mại với thị trường ASEAN, góp phần giảm nhập siêu.

- Xây dựng phương án ứng phó, đề xuất giải pháp đàm phán đối với khả năng thay đổi chính sách của Mỹ áp dụng cho sản phẩm xuất khẩu tôm, cá tra của Việt Nam, đảm bảo mục tiêu giữ được thị trường xuất khẩu quan trọng này; triển khai các giải pháp duy trì, tăng cường xuất khẩu mặt hàng nông sản sang thị trường Trung Quốc.

- Ngăn chặn và xử lý nghiêm theo pháp luật các hoạt động buôn lậu, trốn thuế, buôn bán hàng giả, hàng nhái...

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình xúc tiến thương mại để góp phần thúc đẩy tiêu thụ và sức mua trên thị trường. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường nội địa, thị trường miền núi, hỗ trợ các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, đưa hàng hóa về nông thôn, vùng biên giới, hải đảo.

4. Nhóm giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư trong nền kinh tế, trong đó tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công, huy động các nguồn vốn đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- Đối với vốn đầu tư công: (i) đẩy nhanh tiến độ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đầu tư công, xây dựng, ngân sách nhà nước,... kịp thời loại bỏ, tháo gỡ các rào cản khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân, nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công. (ii) tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công năm 2017 theo đúng Nghị quyết của Quốc hội và các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và của các cấp có thẩm quyền. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn năm 2017 của các dự án, kịp thời phát hiện xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; (iii) tăng cường các giải pháp đơn giản hóa thủ tục để rút ngắn thời gian kiểm soát chi, thanh toán cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh.

- Đối với vốn FDI: (i) thường xuyên theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp FDI thực hiện giải ngân theo cam kết; (ii) tăng cường các hoạt động đối thoại nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp FDI; (iii) rà soát các dự án chậm triển khai, tập trung nâng cao chất lượng thu hút FDI để tránh tình trạng đầu tư mới tăng cao nhưng giải ngân chậm; (iv) nghiên cứu, triển khai hiệu quả các chính sách ưu đãi cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh nhằm tận dụng cơ hội do hội nhập mang lại.

5. Nhóm giải pháp tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về tầm quan trọng của tăng trưởng kinh tế, nhất là đối với an sinh xã hội, tạo việc làm, giảm nợ công, giảm bội chi ngân sách..., tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, nhất là cộng đồng doanh nghiệp, tạo sự hứng khởi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng hành cùng Chính phủ quyết tâm thực hiện mục tiêu tăng trưởng của cả năm 2017.

- Triển khai các giải pháp quyết liệt nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng mạng xã hội đưa thông tin sai sự thật nhằm nói xấu, bôi nhọ, đi ngược lại chủ trương, quyết tâm của Chính phủ thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2017.

- Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức các cuộc họp giao ban, các cuộc kiểm tra thường xuyên nhằm đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các giải pháp, phát hiện các vấn đề, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những nội dung phát sinh để kịp thời xử lý.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC NĂM 2018

Tăng trưởng kinh tế trong năm 2018 tiếp tục xu hướng cải thiện tích cực của năm 2017 nhờ sự gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo, xây dựng, thương mại bán buôn và bán lẻ, ngân hàng và du lịch. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế và thương mại của thế giới dự báo cao hơn trong năm 2017, tạo tiền đề thuận lợi hơn cho phát triển kinh tế và xuất khẩu. Ngoài ra, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư tư nhân, giúp thúc đẩy sản xuất trong nước và thương mại. Những nỗ lực từ phía Chính phủ trong tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp, nhằm thúc đẩy tăng trưởng được thực hiện triệt để và quyết liệt trong năm 2017 sẽ phát huy hiệu quả trong năm 2018. Bên cạnh đó, khu vực nông lâm thủy sản cũng có triển vọng phát triển hơn khi giá lương thực toàn cầu tăng, những tác động tiêu cực của thời tiết giảm bớt và những hoạt động cải cách, tái cơ cấu nông nghiệp bắt đầu có chuyển biến tích cực.

II. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế một cách đồng bộ, toàn diện, nhất là các ngành, lĩnh vực trọng tâm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với chú trọng cải thiện nền tảng cho tăng trưởng chất lượng, hiệu quả và sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Phát triển giáo dục - đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, đưa quan hệ với các đối tác lớn đi vào chiều sâu, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, góp phần huy động nguồn lực và duy trì môi trường hòa bình, an ninh để phục vụ cho phát triển và nâng cao vị thế đối ngoại của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2018

Trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã được Quốc hội thông qua, dự kiến các chỉ tiêu năm 2017 phấn đấu đạt được các mục tiêu đã được Quốc hội thông qua, dự kiến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 như sau:

a) Các chỉ tiêu kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,4 - 6,8% so với năm 2017.

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 9,0 - 10,0% so với năm 2017.

Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3,0%.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 33,5 - 35% GDP.

b) Các chỉ tiêu xã hội

Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) giảm 1,0 - 1,5%, riêng các huyện nghèo giảm 4% theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2016-2020.

Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58 - 60%, trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo 23 - 23,5%.

Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 26 giường.

Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,2%.

c) Các chỉ tiêu môi trường

Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 88%.

Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,65%.

III. DỰ KIẾN MỘT SỐ CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ NĂM 2018

1. Lao động và việc làm

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên dự kiến khoảng 56,8 triệu người;

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong nền kinh tế quốc dân dự kiến là 55,9 triệu người.

Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp dự kiến là 40%; công nghiệp và xây dựng là 26%; dịch vụ là 34%.

Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

2. Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước

Tổng thu cân đối NSNN năm 2018 dự kiến là 1.356,8 nghìn tỷ đồng. Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2018 dự kiến khoảng 1.551 nghìn tỷ đồng.

Bội chi ngân sách nhà nước dự kiến bằng khoảng 194,250 nghìn tỷ đồng (khoảng 3,5% GDP).

3. Cân đối vốn đầu tư phát triển

Dự kiến khả năng huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2018 khoảng 1.841 - 1.945 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 33,5 - 35% GDP. Trong đó:

- Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn TPCP, bội chi ngân sách địa phương, xổ số kiến thiết và vốn từ nguồn thu từ tiền bán bớt cổ phần sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp) khoảng 400 nghìn tỷ đồng, chiếm 20,6 - 21,7% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2018 dự kiến tổng vốn đăng ký

là 26-27 tỷ USD, dự kiến thực hiện khoảng 19 - 19,5 tỷ USD. Trong đó, vốn thực hiện đầu tư trực tiếp khoảng 16,5 tỷ USD và vốn đầu tư qua góp vốn, mua cổ phần khoảng 2,5 - 3 tỷ USD.

- Dự kiến ký kết hiệp định vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài năm 2018 khoảng 3,7 - 4 tỷ USD, giải ngân của nguồn dự kiến khoảng 4,5 tỷ USD.

4. Cân đối xuất nhập khẩu

Xuất khẩu năm 2018 dự kiến đạt khoảng 218 - 220 tỷ USD, tăng khoảng 9 - 10% so với năm 2017; nhập khẩu khoảng 224,5 - 226,5 tỷ USD, tăng khoảng 9,5 - 10,5%. Nhập siêu ước khoảng 5 tỷ USD. Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu tiếp tục duy trì ở mức dưới 3%.

5. Cân đối về điện

Nhu cầu điện năm 2018 dự kiến tăng khoảng 11,4% so với năm 2017, điện sản xuất và mua năm 2018 khoảng 219,52 tỷ kWh.

6. Cân đối về lương thực

Dự kiến kế hoạch gieo trồng lúa năm 2018 cả nước là 7,7 triệu ha. Sản lượng lúa dự kiến đạt 43,7 triệu tấn, trong đó: tiêu dùng trong nước khoảng 31,7 triệu tấn xuất khẩu khoảng 6 triệu tấn.

IV. NHIỆM VỤ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

Với các mục tiêu nêu trên, nhiệm vụ định hướng phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu trong năm 2018 như sau:

1. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo đảm ổn định các cân đối vĩ mô và kiểm soát lạm phát

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, linh hoạt các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt. Điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ. Phấn đấu kiểm soát tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân cả năm khoảng 4%. Điều hành tín dụng theo hướng nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vốn vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn liền với xử lý nợ xấu, lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và phù hợp

với thông lệ quốc tế; tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngân hàng.

Thực hiện chính sách tài khóa chủ động, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, an toàn nợ công. Giữ cơ cấu hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công, đồng thời tạo cơ chế thuận lợi để các đơn vị sự nghiệp công lập sớm tự chủ về mặt tài chính.

2. Đẩy mạnh việc thực hiện tái cơ cấu lại nền kinh tế một cách đồng bộ, toàn diện, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với tăng chất lượng, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động.

Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó, tập trung thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm trong tái cơ cấu lại nền kinh tế gồm: (i) tập trung hoàn thành cơ cấu lại ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng; (ii) cơ cấu lại ngân sách nhà nước, khu vực công; (iii) phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài; (iv) chấn chỉnh công tác quy hoạch, cơ cấu ngành và vùng kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế; (v) hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường, gồm thị trường tài chính, thị trường quyền sử dụng đất, thị trường lao động và thị trường khoa học công nghệ.

3. Tiếp tục thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của

kinh tế thị trường và cam kết hội nhập quốc tế sâu rộng. Bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, chấp hành pháp luật; khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện các luật, nghị quyết sau khi được Quốc hội thông qua; ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết có hiệu lực trong năm; tổ chức thực hiện tốt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Tập trung nguồn lực xây dựng các công trình lớn, quan trọng, thiết yếu, nhất là tại các khu vực có tiềm năng phát triển và giải quyết các ách tắc, quá tải. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đường sắt đô thị, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, tập trung ưu tiên cho đường bộ cao tốc Bắc - Nam, dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, đường thủy nội địa và đường ven biển,...

Khẩn trương hoàn chỉnh việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm. Tiến hành rà soát, đánh giá quy hoạch phát triển ngành cấp quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho thời kỳ 2011 - 2020 để làm cơ sở cho việc triển khai lập mới quy hoạch phát triển cho thời kỳ 2021 - 2030 theo các quy định của pháp luật về quy hoạch.

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

4. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 2 năm 2017, với mục tiêu là tạo ra điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết 35/NQ-CP theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại doanh nghiệp theo tinh thần của Nghị quyết số 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Hoàn thiện mô hình quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước và vốn, tài sản của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Khẩn trương thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và cổ phần, vốn góp của nhà nước tại doanh nghiệp.

Đẩy nhanh quá trình cụ thể hóa các chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển để góp phần tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Để đạt mục tiêu năm 2020 có 1 triệu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, cần có những đột phá về chính sách, môi trường kinh doanh để doanh nghiệp tăng trưởng mạnh cả về chất và lượng. Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn đứng đầu các chuỗi giá trị.

Tiếp tục triển khai các Chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ theo hướng gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của ngành/lĩnh vực, đáp ứng các chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về tái cơ cấu nền kinh tế. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học và công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.

5. Thúc đẩy tăng trưởng các ngành/lĩnh vực gắn với phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phấn đấu cân bằng thương mại bền vững.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp: Xây dựng và ban hành kế

hoạch, lộ trình cụ thể cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 – 2020. Nghiên cứu sửa đổi chính sách về đất đai để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh cơ giới hóa. Hoàn thiện các chính sách nhằm đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, có giải pháp thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông thôn, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Triển khai các giải pháp triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản; tăng cường gắn kết 4 nhà trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; tăng sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới một nền nông nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm hữu cơ, chất lượng và có giá trị kinh tế cao. Chấn chỉnh công tác cấp phép, cấp chứng nhận đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Xử lý dứt điểm việc sử dụng chất cấm trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở Việt Nam. rà soát cơ chế, chính sách tác động đến công nghiệp của từng ngành, sản phẩm. Từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh, xây dựng hàng rào kỹ thuật đối với sản phẩm nhập khẩu để hỗ trợ sản phẩm trong nước, tăng tỷ lệ nội địa hóa. Tăng cường giám sát đầu tư chuyên ngành, phân đấu hoàn thành đưa vào sản xuất đúng tiến độ góp phần tăng trưởng chung của ngành trong năm 2018.

Thúc đẩy đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, chủ động tham gia và tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới có lợi thế.

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, ưu tiên phát triển những ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao; khuyến khích đầu tư, phát triển mạnh các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao,...; nhất là dịch vụ chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực và y tế, chăm sóc sức khỏe. Ban hành chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Có các

giải pháp khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch để thu hút mạnh khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.

Phát triển thị trường trong nước, ổn định cung - cầu hàng hoá; tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khoẻ nhân dân; thắt chặt công tác quản lý thị trường, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà sản xuất và người tiêu dùng.

Tập trung phát triển, khai thác cả các thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng cho các sản phẩm có sức cạnh tranh lớn, có giá trị gia tăng cao hoặc các nhóm sản phẩm có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn. Ưu tiên nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào được tạo ra từ công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, hàng hóa trong nước chưa sản xuất được; kiểm soát có hiệu quả việc nhập khẩu hàng hóa xa xỉ, hàng hóa không thiết yếu, hàng hóa trong nước đã sản xuất được.

Phát triển lành mạnh thị trường biên mậu, chuyển dần xuất khẩu tiêu ngạch các mặt hàng nông lâm thủy sản sang hình thức chính ngạch. Kiểm soát và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định; không để xảy ra tình trạng đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, bảo đảm tính công khai, minh bạch của thị trường.

6. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chú trọng hiệu quả phát triển, hướng tới phát triển kinh tế xanh góp phần thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế và thực hiện phát triển bền vững.

Tiếp tục thực hiện các đề án xử lý, phục hồi ô nhiễm môi trường đã được phê duyệt; tăng cường giám sát, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm.

Thực hiện các hành động tăng trưởng xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên, tập trung bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu phát thải đối với các doanh nghiệp công nghiệp, đặc biệt là các ngành có nguy cơ ô nhiễm môi trường và phát thải cao như sắt thép, xi măng, hóa chất, nhiệt điện.

Triển khai thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, trong đó tập trung hoàn thành việc xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức; ban hành chỉ tiêu và lộ trình thực hiện; củng cố hệ thống theo dõi và đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững

đến năm 2030.

Tiếp tục đầu tư một số dự án cấp bách thuộc Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Tập trung triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh. Thúc đẩy huy động mọi nguồn lực, nhất là khu vực tư nhân trong triển khai các hoạt động thực hiện xanh hóa nền kinh tế như một công cụ hiệu quả nhằm hiện thực hoá các mục tiêu phát triển bền vững theo chương trình nghị sự 2030.

7. Phát triển hệ thống an sinh xã hội và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động. Ổn định và phát triển thị trường xuất khẩu lao động. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đẩy mạnh việc phát triển nhà ở xã hội, nhà ở giá thấp; tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển nhà ở quốc gia, nhất là các chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, người có công với cách mạng. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát tổng thể các chính sách, đề xuất Chính phủ phương thức hỗ trợ theo hướng bảo đảm người dân tiếp cận được dịch vụ xã hội cơ bản bị thiếu hụt, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước .

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; ưu tiên nguồn lực phát triển các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng khó khăn, thường xuyên bị thiên tai.

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, từng bước kiểm soát các bệnh lây nhiễm. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; trong đó thực hiện giảm quá tải bệnh viện tuyến trên, thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Phát triển y tế ngoài công lập, hình thành các cơ sở khám, chữa bệnh theo hình thức hợp tác công tư và mô hình quản lý bệnh viện như doanh nghiệp công ích. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình. Gắn việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường các biện pháp bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm,

quản lý môi trường y tế.

8. Phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc đồng thời khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác người cao tuổi, người khuyết tật. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011 - 2020.

Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở cai nghiện.

9. Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Tăng cường biện pháp triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các định mức, tiêu chuẩn, đặc biệt là trong đầu tư xây dựng. Tập trung thanh tra, kiểm tra các vấn đề được dư luận quan tâm liên quan đến tham nhũng, lãng phí như: đất đai, tài nguyên khoáng sản, các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, đầu tư nước ngoài,... Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, kéo dài để làm rõ và xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân có sai phạm gây thất thoát, thua lỗ lớn đặc biệt là trong các dự án đang được dư luận xã hội quan tâm. Nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi tài sản nhà nước trong các vụ án kinh tế lớn.

Nâng cao hiệu quả quản lý và thực thi công tác đấu thầu: tiếp tục hoàn thiện và thống nhất các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan và pháp luật đấu thầu. Triển khai quyết liệt đấu thầu qua mạng theo đúng lộ trình và kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tăng cường công khai, minh bạch trong đấu thầu. Tăng cường công tác hậu kiểm, nghiên cứu, xây dựng các chế tài mạnh để xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm của các

bên trong công tác đấu thầu.

10. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành, công khai tổ chức chính trị đối lập trong nội địa. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh, theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng. Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

11. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế.

Tăng cường nắm bắt tình hình, dự báo diễn biến quốc tế, điều chỉnh chính sách của các nước lớn để có đối sách phù hợp. Giữ ổn định và tăng cường thúc đẩy quan hệ với các nước lớn, các nước trong khu vực và các đối tác chủ chốt đi vào chiều sâu, tăng cường gắn kết và đan xen lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng. Tổ chức tốt hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội.

Đẩy mạnh ngoại giao đa phương, phát huy vai trò và đóng góp của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương, nhất là ASEAN, Liên hợp quốc, Tiểu vùng Mê Công... tăng cường kết nối, tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Thúc đẩy việc ký kết và phê chuẩn các FTA then chốt, tập trung vào FTA với EU; tiếp tục duy trì thúc đẩy TPP trên cơ sở tham vấn, đồng thuận chung của các thành viên TPP. Đẩy mạnh vận động chính trị, ngoại giao các nước công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Nâng cao hiệu quả ngoại giao kinh tế, ưu tiên tìm và mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và lao động Việt Nam. Tiếp tục thu hút các nguồn vốn, công nghệ cao phục vụ cho phát triển bền vững. Theo dõi sát diễn biến và chủ động đấu tranh kịp thời nhằm bảo vệ chủ quyền, biên giới, lãnh thổ. Tăng cường bảo hộ công dân, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại.

12. Thông tin truyền thông.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là trong thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, biển, đảo; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về an toàn thông tin. Tăng cường kiểm tra, rà soát, xử lý mã độc, sự cố mất an toàn thông tin. Triển khai thực hiện Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp đảm bảo an toàn thông tin mạng quốc gia.

Phần thứ ba

NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

I. NỘI DUNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Các Bộ, ngành trung ương và địa phương căn cứ vào Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và Khung hướng dẫn kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 trong đó lưu ý báo cáo đầy đủ một số nội dung dưới đây:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017

Đánh giá và ước tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 của ngành, địa phương, bao gồm: tình hình triển khai thực hiện kế hoạch; các kết quả đạt được; tồn tại và khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, cập nhật tình hình đến thời điểm báo cáo; phân tích nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế; ước cả năm 2017; đề xuất các giải pháp thực hiện trong những tháng cuối năm. Đề nghị các bộ, ngành trung ương báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng và cập nhật tình hình đến thời điểm báo cáo, ước thực hiện cả năm đối với chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 23/2016/QH14 ngày 07 tháng 11 năm 2016 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 Chính phủ đã trình Quốc hội.

2. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 nêu trên và mục tiêu tổng quát, các nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 quy định tại Chỉ thị số 29/CT-TTg, xây dựng mục tiêu phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu, các cân đối lớn, nhiệm vụ và định hướng phát triển, giải pháp thực hiện của ngành, địa phương trong năm 2018. Đối với các chỉ tiêu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 phải phù hợp với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, trong đó lưu ý chỉ đưa ra các chỉ tiêu chủ yếu, có phương pháp tính toán rõ ràng, có khả năng thu thập được, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của ngành, địa phương và quốc gia.

Thực hiện Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Bộ Tài chính sẽ có hướng dẫn cụ thể về xây dựng và tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 – 2020 các ngành, các cấp. Các bộ, ngành trung ương và địa phương xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 03 năm 2018 - 2020 gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 – 2020 cấp quốc gia.

3. Kèm theo nội dung báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 03 năm 2018 - 2020, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương báo cáo đầy đủ các số liệu của ngành, địa phương theo các biểu mẫu kèm theo.

II. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Quy trình, tiến độ và nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của các Bộ, ngành trung ương và địa phương được thực hiện theo Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Cụ thể như sau:

- Trong tháng 7 năm 2017, các bộ, ngành trung ương và địa phương khẩn trương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 theo quy định tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 và hướng dẫn tại Khung hướng dẫn này; xây dựng kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của bộ, ngành và địa phương mình, gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong tháng 8 năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức làm việc để thảo luận về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của các bộ, ngành trung ương và địa phương và tiến hành tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của cả nước.

- Trước ngày 10 tháng 9 năm 2017, các bộ, ngành trung ương và địa phương, tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, hoàn chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 gửi lại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

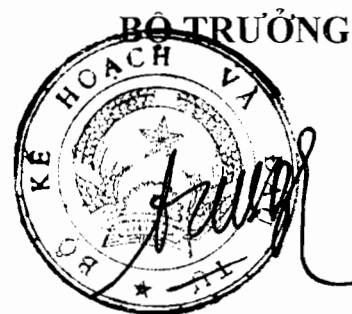
- Trước ngày 20 tháng 9 năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 để Chính phủ cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Quốc hội theo quy định.

- Trong tháng 12 năm 2017, căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương.

Trên đây là nội dung khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. Đề nghị các Bộ, ngành trung ương và địa phương căn cứ vào Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, Khung hướng dẫn này, hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và tình hình, đặc điểm cụ thể của từng Bộ, ngành trung ương và địa phương, khẩn trương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và gửi Báo cáo bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản) và qua thư điện tử thktqd@mpi.gov.vn và diaphuong@mpi.gov.vn (đối với báo cáo của các địa phương) và Bộ Tài chính trước **ngày 31 tháng 7 năm 2017** để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c TTg và các PTTg);
- Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ (d/s kèm theo);
- Lưu: VT, THKTQD (3b).



Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I
Các biểu mẫu xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018
của các Bộ, ngành trung ương

(Kèm theo văn bản số 5610/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 7 năm 2017)

Biểu số 1: Một số chỉ tiêu tổng hợp

Biểu số 2: Các chỉ tiêu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Biểu số 3: Các chỉ tiêu sản xuất công nghiệp

Biểu số 4: Các chỉ tiêu dịch vụ

Biểu số 5: Các chỉ tiêu xuất khẩu, nhập khẩu

Biểu số 6: Cân đối ngân sách nhà nước

Biểu số 7: Các chỉ tiêu xã hội

Biểu số 8: Các chỉ tiêu giáo dục và đào tạo

Biểu số 9: Các chỉ tiêu môi trường

Biểu số 10: Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

Biểu số 11: Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Biểu số 12: Các chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

Biểu số 13: Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 2018 – 2020

Phụ lục 1

**CÁC BIỂU MẪU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017
VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG**

(Kèm theo công văn số 5610 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

www.LuatVietnam.vn

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Năm 2017				Dự kiến kế hoạch năm 2018		
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ 2016 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2016 (%)	Kế hoạch	Kế hoạch 2018 so với kế hoạch 2017 (%)
	- <i>Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng hoá</i>	%								
	- Giá trị nhập khẩu hàng hoá	Tỷ USD								
	- <i>Tốc độ tăng giá trị nhập khẩu hàng hoá</i>	%								
	- Tỷ lệ nhập siêu so với giá trị xuất khẩu hàng hoá	%								
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Nghìn tỷ đồng								
	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP	%								
6	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP	%								

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Năm 2017					Dự kiến kế hoạch năm 2018		
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ 2016 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2016 (%)	Kế hoạch	Kế hoạch 2018 so với kế hoạch 2017 (%)	Kế hoạch 2018 so với thực hiện 2017 (%)
-	Hồ tiêu	Nghìn tấn									
-	Điều	Nghìn tấn									
d)	Diện tích cây ăn quả	Nghìn ha									
đ)	Thịt hơi các loại	Nghìn tấn									
	<i>Trong đó: Thịt lợn</i>	<i>Nghìn tấn</i>									
3	Lâm nghiệp										
-	Khoán bảo vệ rừng	Nghìn ha									
-	Khoanh nuôi rừng tái sinh	Nghìn ha									
-	Diện tích rừng trồng tập trung	Nghìn ha									
-	Tỷ lệ che phủ rừng	%									
4	Diêm nghiệp										
	Sản lượng muối sản xuất	Nghìn tấn									
	<i>Trong đó: Muối công nghiệp</i>	<i>Nghìn tấn</i>									
5	Thủy sản										
	Sản lượng thủy sản	Nghìn tấn									
	<i>Trong đó:</i>										
-	Sản lượng khai thác	Nghìn tấn									
-	Sản lượng nuôi trồng	Nghìn tấn									
6	Phát triển nông thôn										

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Năm 2017					Dự kiến kế hoạch năm 2018		
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ 2016 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2016 (%)	Kế hoạch	Kế hoạch 2018 so với kế hoạch 2017 (%)	Kế hoạch 2018 so với thực hiện 2017 (%)
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%									
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%									

www.LuatVietnam.vn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Năm 2017					Dự kiến kế hoạch năm 2018		
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ 2016 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2016 (%)	Kế hoạch	Kế hoạch 2018 so với kế hoạch 2017 (%)	Kế hoạch 2018 so với thực hiện 2017 (%)
-	Than sạch	Triệu tấn									
-	Thép các loại	Triệu tấn									
-	Xi măng	Triệu tấn									
-	Alumina	Nghìn tấn									
-	Phân N.P.K	Triệu tấn									
-	Phân Ure	Triệu tấn									
-	Ô tô	Nghìn chiếc									
-	Xe máy	Nghìn chiếc									
-	Vải dệt từ sợi tự nhiên	Triệu m ²									
-	Vải dệt từ sợi tổng hợp và nhân tạo	Triệu m ²									
-	Quần áo mặc thường	Triệu cái									
-	Giày dép da	Triệu đôi									
-	Thuốc lá điếu	Triệu bao									
-	Bia các loại	Triệu lít									
-	Thủy sản chế biến	Triệu tấn									

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016		Năm 2017						Ước thực hiện 2017 so với thực hiện 2016 (%)		Dự kiến kế hoạch năm 2018					
				Kế hoạch		Ước thực hiện 6 tháng		Ước thực hiện cả năm				Kế hoạch		Kế hoạch 2018 so với kế hoạch 2017 (%)		Kế hoạch 2018 so với thực hiện 2017 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
II	NHẬP KHẨU																
1	Tổng trị giá																
	Khu vực kinh tế trong nước																
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài																
2	Một số mặt hàng chủ yếu																
	- Xăng dầu																
	- Sắt thép các loại																
	- Phân bón các loại																
	- Thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu																
	- Chất dẻo nguyên liệu																
	- Sản phẩm hoá chất																
	- Vải																
	- Nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép																
	- Điện tử, máy tính và linh kiện																
	- Điện thoại các loại và linh kiện																
	- Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác																
	- Ô tô																
	<i>Trong đó: Nguyên chiếc</i>																
III	CHÊNH LỆCH XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU																

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2017					Dự kiến kế hoạch năm 2018		
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ 2016 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2016 (%)	Kế hoạch	Kế hoạch 2018 so với kế hoạch 2017 (%)	Kế hoạch 2018 so với thực hiện 2017 (%)
5	Số người đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người									
III	Y TẾ										
1	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường									
	- Số giường bệnh công lập/vạn dân	Giường									
	- Số giường bệnh tư/vạn dân	Giường									
2	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ									
3	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰									
4	Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	‰									
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%									
6	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%									
7	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%									
8	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%									

Biểu số 8
CÁC CHỈ TIÊU GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Năm 2017			Dự kiến kế hoạch năm 2018
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học cơ sở	%					
2	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học phổ thông	%					
3	Tỷ lệ lao động làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo	%					
	<i>- Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo</i>	%					

Biểu số 9
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Năm 2017			Dự kiến kế hoạch năm 2018
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	%					
2	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%					
3	Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)	%					

Biểu số 11

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI

TT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Năm 2017			Dự kiến kế hoạch năm 2018		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2016 (%)	Kế hoạch	Kế hoạch 2018 so với kế hoạch 2017 (%)	Kế hoạch 2018 so với thực hiện 2017 (%)
	TỔNG SỐ	Ngàn tỷ đồng							
	<i>So với GDP</i>	%							
1	Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn TPCP, bội chi ngân sách địa phương, xô số kiến thiết và vốn từ nguồn thu từ tiền bán bớt cổ phần sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp)	Ngàn tỷ đồng							
	<i>So với tổng số</i>	%							
2	Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước	Ngàn tỷ đồng							
	<i>So với tổng số</i>	%							
3	Vốn đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước	Ngàn tỷ đồng							
	<i>So với tổng số</i>	%							
4	Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân	Ngàn tỷ đồng							
	<i>So với tổng số</i>	%							
5	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Ngàn tỷ đồng							
	<i>So với tổng số</i>	%							
6	Vốn huy động khác	Ngàn tỷ đồng							
	<i>So với tổng số</i>	%							

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Năm 2017					Dự kiến kế hoạch năm 2018		
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ 2016 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2016 (%)	Kế hoạch	Kế hoạch 2018 so với kế hoạch 2017 (%)	Kế hoạch 2018 so với thực hiện 2017 (%)
4	Tổng doanh thu của hợp tác xã	Triệu đồng									
	<i>Trong đó: doanh thu của HTX từ thành viên</i>	<i>Triệu đồng</i>									
5	Thu nhập bình quân người lao động hợp tác xã	Triệu đồng									
III	Liên hiệp hợp tác xã										
-	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã									
	<i>Trong đó: Số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới</i>	<i>Liên hiệp hợp tác xã</i>									
IV	Tổ hợp tác										
1	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác									
	<i>Trong đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực</i>	<i>Tổ hợp tác</i>									
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên									

Biểu số 13

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Phục vụ xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2018-2020)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2017		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
			Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm			
1	Tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng					
2	Tốc độ tăng GDP	%					
3	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%					
4	Tỷ giá VNĐ/USD						
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Nghìn tỷ đồng					
	- So với GDP	%					
6	Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá	Tỷ USD					
	- Tốc độ tăng	%					
7	Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá	Tỷ USD					
	- Tốc độ tăng	%					
8	Dân số	Triệu người					
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%					
	- Trong đó: Riêng các huyện nghèo	%					